

• Tòa án Bồng Sơn

Cour de Bồng Sơn^F - Court of Bồng Sơn^A - Một phiên tòa quân sự do chính quyền Việt minh cộng sản dựng lên tại Bồng Sơn, một thị trấn nhỏ tại Trung Lương - Bình Định Trung Việt (đương thời là trụ sở Liên khu 5 của cộng sản trong thời chiến tranh Pháp Việt nên còn gọi là phiên tòa Liên khu 5), khai diễn trong ba đêm tháng 11 năm 1949 tại ngôi đình làng Trung Lương. Chánh án là cựu Ấn sát triều Bảo Đại Phạm phú Tiết, công tố viên là Huỳnh Lắm, một tên đảng viên cộng sản bị an trí cùng chỗ cùng lúc với các Hướng đạo Cao Đài* tại Trà Khê, các phần hành khác thì là cựu nhân viên tòa án Quảng Nam dưới thời Pháp thuộc. Trước đó năm 1948, cộng sản đã bắt các nhà lãnh đạo Cao Đài ban đầu tại Quảng Nam, sau đến các tỉnh miền nam Trung Việt như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên giam vào các nhà lao địa phương mà họ gọi là trại cải tạo gồm khoảng 200 người. Để áp dụng chính sách hà khắc vô thần ngoại lai theo chủ nghĩa Mác Lê, họ muốn ngăn chặn sự bành trướng của Cơ quan Truyền giáo Trung Việt thời bấy giờ dù trong cảnh tản cư chạy loạn tại miền thượng du bằng những sinh hoạt tôn giáo* tự túc (điển hình như sở nông Phước Hội tại miền núi Quảng Nam

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

rất náo nhiệt) mà các cơ sở đạo sự được tín hữu thờ phụng* tôn nghiêm, nên họ muốn cản ngăn tinh thần tu học và muốn phải theo chỉ thị của họ trong mọi sinh hoạt kháng chiến theo kiểu họ mà người tín hữu Cao Đài không thiết tham gia. Tuy vụ thảm sát* hàng vạn tín đồ Cao Đài - học theo chính sách tàn bạo kiểu bolchevik diệt trừ phản động "giết làm hơn bỏ sót" theo lệnh từ Hà Nội bởi Hồ chí Minh, Phạm văn Đồng, Võ nguyên Giáp dùng bọn cán bộ cộng sản Ba Tư thi hành theo kế hoạch tàn bạo của đảng cộng sản mà sau này tên Phạm Kiệt đã tiết lộ trên sách Cách Mạng tháng 8 - đã cho thấy rõ sự bạo tàn lang sói của loài dã thú tam vô, nhưng họ vẫn chưa hả dạ muốn triệt tiêu cho hết các tín đồ Cao Đài mà tinh thần yêu nước không thua các chiến sĩ quốc gia. Bởi thế, trước khi có phiên tòa mấy đêm liền, họ đã cho rao truyền trong dân chúng hãy đến nơi được chọn là không có tín hữu Cao Đài dù không thiếu các con chiến Cơ Đốc trong giáo xứ tại đây bằng những lời xảo trá: "Đồng bào, đồng bào! Tối ngày 19 tháng 11 năm nay sẽ có phiên tòa xử vụ án Hướng đạo Cao Đài đội lốt tôn giáo làm chính trị Việt gian phản động... tại đình Trung Lương, bọn phản cách mạng rất đông". Thế là phiên tòa đã diễn ra đúng đêm đã định, tất cả ngót 100 bị can, kẻ trong y phục cổ truyền khăn đen áo dài, người trong Âu phục tề tựu kẻ đứng người ngồi rất tề chỉnh trước phiên tòa dưới một chòi bằng cây lợp tranh trong sân đình với ngọn đèn manchon. Suốt ba đêm liền tòa án không đưa ra một bằng chứng nào cụ thể ngoài việc buộc người Cao Đài phản kháng chiến mà các người đã phủ nhận trong những lần tra hỏi thẩm vấn trước đó vì có người (ông Trần Hoanh là đại diện) đã bảo "Chúng tôi là những người có đạo nên không muốn sự chém giết của chiến tranh chứ việc kháng chiến chống ngoại xâm là bổn phận* công dân một nước phải làm". Cho nên, phiên tòa chỉ loanh quanh ba câu Thánh ngôn* mà chư Thần Việt Nam trong đó có Bà Trưng Bà Triệu*, Văn Hương Thánh Mẫu đã giáng cơ* vào cuối thập niên 1930 đương thời Pháp thuộc tại Trung Việt, nhất là những đoạn kêu gọi nữ phái :

"... Thuyết giải phóng ra đời lẫm mẫm

Sống bình quyền sanh đám vô luân,

Hay chi mà chị em mừng,

Để nhớ nhục tiếng hồng quân chịu chung!"

Đồng Tân

hoặc

"... Cũng vì bởi bình quyền mà hồng,

Cũng vì nơi giải phóng mà hư

Hai mươi lăm triệu có dư

Dung hình tiêu tụy, phong tư tiêu mòn...!"

Thế nên sau đêm thứ ba, số người đi xem (trong đó có Đồng Tân đang học chuyên khoa tại trường Nguyễn Huệ niên khóa 1949-1950) thưa thớt vì phiên tòa không hấp dẫn nên tòa đã kêu án 23 người với số án từ 3 năm đến 10 năm khổ sai. Sau đó, bọn cộng sản phân tán các can nhân đến các vùng lam sơn chướng khí dọc dãy núi Trường Sơn với mục đích giết chết dần mòn cho đến tháng 10 năm 1954, ba tháng sau Hiệp định Genève, có một số bị chết trong tù như ông Hiệp Lý Trần nguyên Chất*, số còn lại được thả về từ Bình Định với lời tuyên bố của bọn cộng sản: "Các người Cao Đài không có tội!". Thật là một trò người hại người không khác loài dã thú ngay trong lòng thế kỷ văn minh mà lúc nào cũng ba hoa là ý thức hệ tiến bộ! Chả lẽ con người tiến bộ đến cầm thú thì con khi quả là thủy tổ của họ vậy!

• Tòa đạo

Một trong bốn cơ quan còn gọi là Minh tra* do ông Phạm công Tắc* tạo ra tại Tây Ninh trong Đạo luật Mậu Dần* 1938 mà ông gọi là thuộc Hiệp Thiên Đài* cùng cơ quan Phước thiện*, trong khi hai cơ quan còn lại là Hành chánh* và Phổ tế* thì thuộc về Cửu Trùng Đài*. Ông đã tự xưng là Chương quản nhị hữu hình đài thì ông cầm quyền tất cả chứ không ai khác. Sự kiện này vừa phạm luật (vì làm mất tính tam quyền phân lập* của ba đài), vừa phạm pháp (không tuân y Pháp Chánh Truyền* Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài) nên không theo đúng chơn truyền* Đại Đạo* nên kể từ 1938, toàn đạo xem Tòa Thánh Tây Ninh* chỉ còn là cái vỏ mà bên trong là phái Tây Ninh* đang ở thế thượng phong với Đạo Nghị Định* số 8 năm 1934 xem các chỉ phái* khác là bàng môn tả đạo*.

• Tòa Phán Xét

Cour du Jugement Général^f - Court of General Judgment^A - 座判察 - Một phiên tòa mệnh danh ở cõi Vô hình do các tôn giáo* (Cổ Ai Cập và Kinh Thánh) để công thưởng tội trừng thế gian theo định luật chung. Cao Đài giáo* nhìn nhận có sự

phán xét các linh hồn* ở cõi Vô hình gọi là cõi Trung giới* một khi có một linh hồn thoát xác lìa trần, chứ không phải là trong một thời gian cố định nào.

• Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài

L'Inquisition des 3 doctrines du Palais aux Neuf Spires Célestes^f - The Inquisition of the 3 doctrines of the Nine Sphere Palace^A - 座三教九重臺 - Tòa Tam Giáo là tên gọi phiên tòa nơi Hội Thánh Cao Đài giáo*. Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài gồm có Chánh án là vị Giáo Tông*, ba vị Chương Pháp* nghị án, vị Đầu Sư* phái thuộc về can nhân lãnh phần buộc tội, một chức sắc* Hiệp Thiên Đài* làm Trạng sư. Tòa này xử các chức sắc phạm tội. Khi bản án ở Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài không ổn cho bị can thì bị can có thể kháng cáo lên Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài*. Đây là tội phạm thuộc giáo quyền mà thôi. Trường hợp phạm pháp dân sự thì phải nhờ Tòa án quốc gia.

• Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài

L'Inquisition des 3 doctrines du Palais de l'Alliance divine^f - The Inquisition of the 3 doctrines of the Heavenly Union palace^A - 座三教協天臺 - Khi vụ án được xử tại Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài* không ổn cho bị can mà được kháng cáo lên Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài thì Tòa này sẽ phân xử lại. Tòa này gồm Chánh án là Hộ Pháp*, hai chức sắc* Cửu Trùng Đài lớn cấp hơn bị can nghị án, một chức sắc Thời quân chỉ Thế* buộc tội, một chức sắc Cửu Trùng Đài cùng phẩm trật với bị can do bị can lựa chọn biện hộ, chức sắc Hiệp Thiên Đài chỉ Đạo* cải trạng, một chức sắc cấp dưới của Hiệp Thiên Đài ghi án. Nếu trường hợp Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài* và Hiệp Thiên Đài không giải quyết được cho bị can thì bị can dâng sớ lên Tòa Tam Giáo thiêng liêng* sẽ do quyền Chí Tôn* định đoạt.

• Tòa Thánh Tây Ninh

Saint Siège Tây Ninh^f - Tây Ninh Holy See^A - 座聖 - Cơ sở ngự trị của Hội Thánh* trung ương tôn giáo* Cao Đài. Trong Cao Đài giáo*, phần Phổ Độ* mới có Tòa Thánh. Danh từ này trước năm 1935 thì Thánh địa* Tây Ninh là nơi Tòa Thánh của toàn cơ Phổ Độ với sự đóng góp tài vật lực của bốn đạo

như bà Lâm Hương Thanh với số tiền mua đất 25000 đồng và họa đồ do bác vật Kinh vẽ với tốn phí 3000 đồng (*tương đương 40 ngàn quan Pháp*), nhưng ông Phạm công Tắc* lại tự nhận là do tự tay ông xây dựng từ 1940. Đến khi thành hình các chi phái* từ 1932 thì các Tòa Thánh được phân bố đi các nơi có thành lập Hội Thánh cho chi phái đó, như Tòa Thánh Định Tường cho Hội Thánh Minh Chơn Lý* (*trước 1935*), Hội Thánh Tiên Thiên có Tòa Thánh Châu Minh ở Sóc Sãi, Tòa Thánh Ban Chính Đạo* có Thánh Thất An Hội* (*tạm dụng*) tại Bến Tre, Hội Thánh Minh Chơn Đạo* có Tòa Thánh Ngọc Minh tại Giồng Bướm Bạc Liêu, và khi phái Tây Ninh* thành hình năm 1938 thì Tòa Thánh Tây Ninh là độc quyền cho phái Tây Ninh. Trong tương lai, khi toàn đạo hòa hiệp theo lời tiên tri của Đức Cao Đài* từ buổi sơ khai, năm 1926:

*"Bầu Tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà
Chung hiệp rón vun nền đạo đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta!*

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ,
sau các con sẽ rõ ...".*

(*Thánh Ngôn Hiệp Tuyển** ghi ngày 20-2-1926)

Như thế thì đến ngày đó Tòa Thánh Tây Ninh sẽ được phục hồi tư thế của mình là Tòa Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* khi đã được toàn đạo nhìn nhận Hội Thánh* tại đây với đủ phẩm vị* đầy đủ đạo đức uyên bác vô tư các nơi về hành sự vì Thầy* vì Đạo mà không một thế lực độc tài nào có thể khống chế.

• Toàn Chơn Đán

Một nhóm thanh niên Cao Đài* thọ pháp Vô Vi tại Sài Gòn, người đầu tiên là bác sĩ Huỳnh đình Đại, tín đồ phái Bến Tre*, đương kim Tổng Thư ký hội Văn Hóa Cao Đài* lại muốn tu theo Tâm pháp nên đã nhờ Đồng Tân giới thiệu với Đán Long Hoa* và đã được theo thủ tục xin keo* rồi thọ pháp kể từ 1970. Vốn là bác sĩ đang hành nghề chữa bệnh ngoài da, nên việc tu luyện có thể bị trở ngại - vì chỉ tự tức mưu sinh không thể chuyển nghề khác - và công phu* có đủ mà hiệu quả không mấy nên đương sự còn đam mê* vào các pháp thiền định* khác và tự cho pháp tu của mình không hơn phép yoga* (*khi được Đồng Tân hỏi*). Đồng thời, với sự

Bách Khoa Toàn Thủ Cao Đài Giáo

hiểu biết khoa học* thế gian, Đại lại muốn chăm chế bớt các khoản luật pháp Vô Vi và đã liên kết với vài thanh niên khác chưa lập gia đình (*nên gọi là toàn chơn*) không kể tuổi tác nam nữ cùng tu theo. Nhóm này có một thời tạm trú tại khuôn viên Đán Chợ Lớn*, nghe đâu nay không còn ở đó nữa từ 2002 nên chỉ có trên danh xưng Đán Toàn Chơn gây sự chú ý một thời giữa đám tín hữu tại Sài Gòn. (*Xem Hồi ký Chí Bửu*).

• Toàn Năng

Omnipotent^F - Omnipotent^A - 全能 - Có khả năng làm được tất cả mọi việc. Đây chỉ Đấng Thượng Đế* với năng lực vô song của Ngài vốn là nguyên nhân đầu tiên của mọi năng lực, tinh thông biến hóa vạn hình vạn trạng, sáng tạo và tái thiết mọi thế giới Vô hình cũng như hữu hình trong Càn Khôn Vũ Trụ*. Người mang xác phàm dù là giáo chủ* - chứ không phải hàng giáo phẩm* - mà tự xưng là toàn năng thì chỉ là loại ngạo mạn của ma quỷ mà thôi.

• Toàn Tri

Omniscient^F - Omniscient^A - 全知 - Không việc gì, không sự gì không biết. Đây chỉ trí tuệ vô song của Đấng Thượng Đế*. Mức trí tuệ phát xuất từ một nhân thân trên mặt đất này như các giáo chủ* của tôn giáo* thì cũng chỉ do một tâm thức có giới hạn bởi đã có từ một châu thân nên không thể so sánh với Đấng Thượng Đế Chủ Tể Vũ Trụ* được. Cho nên, kinh điển các cựu giáo* không làm sao tránh khỏi những huyền thoại do hàng hậu bối của các giáo chủ không đủ trí năng của các ngài tạo ra thôi. Vì vậy mỗi giáo chủ đều có lối ẩn dụ về phần tri thức này như đức Thích Ca đã bảo cái bàn tay của ngài chỉ cho biết chân lý* chứ nó không phải là chân lý, hoặc đức Khổng Tử đã có câu: "*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri*" (*Cái gì mình biết rõ thì nói là biết, còn cái gì không biết thì nói là không biết, như thế là biết vậy*). Chính với câu này, đức Khổng đã cho phân biệt được trí tuệ của con người và tính Toàn tri của Đấng Thượng Đế mà các giáo phẩm* tôn giáo nào cũng cần học hỏi vậy.

• Tolstoy. Lev Tolstoy (1828-1910)

Bá tước Lev Nikolaievitch Tolstoi, nhà văn hào

Đông Tân

Nga sinh năm 1828 trong một gia đình quý tộc lâu đời. Thời thanh niên ông theo học một thời tại Moscow rồi về lo việc điền trang, sau đó nhập ngũ chiến đấu ở Caucase rồi giải ngũ đi chu du khắp các nước Âu châu. Nhưng sau 1847, ông mới bắt đầu sự nghiệp văn học của mình. Tập truyện ngắn Thời Thơ Ấu thành hình từ đó. Ông cưới vợ là bà Sofia Behrs, sinh nhiều con nhưng thiếu hạnh phúc, bà đã không cho ông những thoải mái và cuộc sống nông nô hằng ngày diễn ra trước mắt ông. Thế là tác phẩm Chiến Tranh và Hòa Bình được thành hình năm 1866. Sau đó, tác phẩm Anna Karenina xuất hiện sau thời gian được báo chí đăng tải vào năm 1877. Cuộc sống thác loạn về cuộc đời xa hoa sung túc của mình đã khiến ông có nhiều cảm nghĩ tội lỗi nên đã có tác phẩm Lời Thú Tội Đượm Màu Sắc Cơ Đốc giáo* ra đời năm 1884 với học thuyết không dùng bạo lực. Cơ sở tín điều mang tên ông ảnh hưởng không nhỏ đến các nhà đấu tranh chính trị trên khắp thế giới, trong đó có thể kể nhà tranh đấu mà người ta gọi là Thánh Gandhi* ở Ấn Độ. Tư tưởng của ông về cuối đời ảnh hưởng Cơ Đốc giáo mà tác phẩm Nghệ Thuật là gì? (1896) và Tiểu Thuyết Phục Sinh (1900) đã cho thấy sự chán nản thế tình rõ rệt. Cho nên, ông đã bỏ nhà ra đi vào một đêm tối 28 tháng 10 năm 1910 rồi bị cảm lạnh và mất vài hôm sau. Tang lễ không theo nghi thức Cơ Đốc giáo. Trong văn học Nga, ông là biểu tượng đỉnh cao của chủ nghĩa hiện thực duy lý.

• Torah

Loi Judaique^F - Judaist Law^A - Tiếng Cổ Do Thái có nghĩa là Luật pháp, danh từ mà người Do Thái dùng để chỉ Luật pháp của đức Moïse* và bộ Pentateuque (năm quyển đầu của Cựu Ước) đã thể hiện nó. Đó là một cuộn da thuộc viết bằng tay của những thầy ký với một sự cẩn mật rất cao. Người ta giữ nó trong nhà thờ để được đọc trong ngày Sa Bát*. Cuộn Luật pháp này bao bọc bởi một tấm choàng bằng nhung có thêu hoa để trong một cái dinh riêng.

• Tổ Vật giáo

Totémisme^F - Totemism^A - 祖物教 - Một hệ thống mang tính tôn giáo* chung cho nhiều xã hội nguyên thủy ở Úc châu, Phi châu và Mỹ châu, tổ chức bộ

lạc thành từng thị tộc, mỗi thị tộc có một Tổ vật (*Totem*). Tổ vật này thường là một loại cầm thú, đôi khi là loại thực vật, được xem như là tổ tiên của thị tộc, từ đó có tên của thị tộc, đó là một Thần linh* tổ tiên bảo trợ họ. Hiệu quả của sự hợp nhất thân mật giữa tổ vật với các thành viên thị tộc bị bắt buộc và việc cấm ăn các tổ vật thì rất quan trọng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp rất trọng thể, người ta có thể ăn Tổ vật trong một bữa ăn nghi lễ. Tổ vật rất linh thiêng, nó có linh hồn*. Điều này tạo nên sự sợ hãi và nguy hiểm cho người thường, do đó nhiều giới cấm* được tạo nên chung quanh Tổ vật. Cuối cùng, nó là một đối tượng thờ cúng* đầy tính pháp thuật* tôn giáo. Theo nhiều lý thuyết gia thì Tổ Vật giáo dường như đã là nguồn gốc của tất cả các hình thức tôn giáo của các xã hội nguyên thủy, chắc chắn cả đến những xã hội các dân tộc tiền sử. Xứ Cổ Ai Cập với sự phân chia thành từng thị tộc "*nomes*" mà mỗi nơi có những thú cầm thần linh hóa, cũng có thể là hình thức tổ chức Tổ Vật giáo. Tại Úc châu và Mỹ châu, những cột trụ Tổ Vật giáo đặt ở cổng vào các làng, đúc kết trong những bức hình chạm chong chóng lên nhau sự tiếp nối của tổ tiên các thị tộc. Hiện nay, Tổ Vật giáo xuất hiện như một sự cố gắng giải thích các hiện tượng tôn giáo làm nền cho một xã hội nguyên thủy, nhưng các hiện tượng tôn giáo thì đã mượn rất nhiều giáo thuyết khác nhau đến nỗi có vô số hình thù Tổ Vật giáo, điều đó cuối cùng đã rút gọn các hệ thống này, nên nếu không phải là một ảo tưởng* thì cũng là một sự thái quá về phần lý thuyết và sự hệ thống hóa.

• tội

péchés^F - sins^A - 罪 - Sự làm lỗi các điều răn, các giới cấm* trong phạm vi tôn giáo* hay chính trị ngoài đời. Do đó có những tội phạm chung mà cũng có những tội phạm riêng cho mỗi tôn giáo hay tổ chức chính trị tùy theo quan niệm của mỗi nơi về cuộc sống chung. Thế nên, tội là sự tự ý phạm luật thiêng liêng*, là khái niệm về sự lỗi lầm với trách nhiệm cá nhân. Ngoài tội tổ tông*, Cơ Đốc giáo* còn gọi tội hiện tại là sự làm lỗi có ý thức, nặng hay nhẹ tùy theo sự phạm luật liên hệ. Giáo hội Cơ Đốc phân biệt loại tử tội (*péchés mortels*) là trọng tội kèm theo sự thiếu ân huệ thiêng liêng và tội nhẹ (*péchés véniels*) thì đôi khi không đáng kể. Các nhà

Thần học Cơ Đốc phân biệt bảy thứ tội chính mà thật ra chỉ là những tật xấu đem đến đủ loại tội lỗi. Bảng liệt kê do Thánh Grégoire le Grand dựng nên gồm có: tánh kiêu ngạo, tánh hà tiện, sự xa xỉ, sự ham muốn, sự lười cá, sự giận dữ và sự lười biếng. Đối với Giáo hội Da Tô* và Giáo hội Chính Thống, tội nặng hay tội nhẹ cũng có thể xóa bỏ bởi sự tu học chân thành kèm theo sự hối lỗi. Tin Lành giáo* thì đức tin* sâu xa, sự ăn năn và sự cầu nguyện* đức Chúa là đủ. Tuy nhiên, Kinh Thánh* thường nói đến một thứ tội đối với Thần linh* rất khó xác định, có thể đó là sự từ chối nhìn nhận Đức Chúa Trời, sự từ chối thường do lòng tự kiêu, sự khinh thường cuộc sống và sự thất vọng. Con người như thế, đức Christ* nói họ không hề được tha thứ. Khái niệm về tội lỗi trong Phật giáo* thì rất đa dạng. Thông thường với người tín đồ có 5 tội được ghi trong 5 giới; còn đối với các tu sĩ* giáo phẩm* thì hàng chục hàng trăm giới ngăn cấm đủ thứ tội lỗi. Khái niệm này còn có trong thiên nhiên. Nơi những dân tộc nguyên thủy, nó được gắn liền với khái niệm Tabou và khái niệm về sự chuộc tội (hình phạt, lễ thanh lọc, sự thử thách). Sự chuộc tội có thể là một hình phạt thể xác buộc cho người có tội (dưới nhiều hình thức khác nhau có thể đến chết) hoặc là sự trục xuất đơn thuần khỏi thị tộc (ngày xưa, nơi các dân tộc phương Bắc, sự bỏ phạm nhân vào một chiếc thuyền con mong manh tương đương với tử hình). Tại Ấn Độ, sự trục xuất khỏi giai cấp là một tử hình dân sự. Tuy nhiên, trong thời kỳ có Kinh Vệ Đà* có một đạo luật thực thi sự chuộc tội thường không tương ứng với mức độ tội trạng. Sự tha thứ có thể có nơi người trai giới* khổ hạnh. Một sự thực hành còn có nơi nhiều dân tộc là người chịu tội thay (*bouc émissaire*), nạn nhân chuộc tội thường có ở các sắc dân Do Thái, người này được đuổi đi một cách long trọng vừa mang theo tất cả các tội nhân của Do Thái. Tại Tây Tạng và nhiều nơi, nhiều lễ rửa tội được cử hành hàng năm gồm những nghi lễ tương tự. Cao Đài giáo* không nhìn nhận có tội tổ tông của Cơ Đốc giáo, cũng không xem con người là một xú bì nang* vô minh* tội lỗi như Phật giáo, mà nhìn nhận con người có tội khi họ đã hay đang làm những điều trái với đạo lý tổng quát hay luân lý đơn thuần với lòng ham muốn làm những điều ấy hoặc đã ý thức việc làm sai trái mà vẫn cứ làm. Ngược lại, những

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

người vì non dại không ý thức được việc sai trái của mình hay vì hoàn cảnh buộc phải làm và sau đó lại ăn năn hối cải thì được chế giảm phần nửa tội trạng. Nếu người can phạm tình nguyện xả thân* làm việc đạo nghĩa để chuộc tội thì có thể đi đến sự giảm tiêu tội lỗi. Nói chung thì tội lỗi là do con người tự tạo ra và tự hối cải nếu biết, chứ không có Thần Thánh hay ma quỷ nào xúi giục con người, nếu họ không mắc nợ nần gì với họ ở tiền kiếp* hay hiện kiếp.

• tội phạm thánh

sacrilège^F - sacrilege^A - Xúc phạm đến một vật thiêng hay người đã phạm tội này. Đối với người nguyên thủy thì đây là sự phỉ nhổ vào quyền lực Vũ trụ. Tội phạm thánh có trong tất cả các tôn giáo*, vào bất cứ thời điểm nào và nó bị phạt với ít nhiều nghiêm khắc. Thời Thượng Cổ, những ai đi vào trong chính điện của đền thờ, những ai trêu ghẹo các nữ Thần, những ai xâm phạm vào những nơi cấm kỵ đều bị tội phạm thánh. Cơ Đốc giáo* phân biệt nhiều tội phạm thánh: những ai phạm tội chống đối những người đã hiến dâng cho Chúa, những ai phạm vào các vật dụng thiêng liêng* hay các vật tế lễ* và những ai xúc phạm đến các nơi tôn nghiêm. Hình phạt thường là sự trục xuất.

• tội tổ tông

péché originel^F - original sin^A - 罪祖宗 - Cơ Đốc giáo* gọi tội tổ tông là lỗi lầm mà bất cứ người nào cũng mang trong người từ thai sinh do sự sa đọa của Adam*. Phép rửa tội* sẽ làm cho mất đi tội ấy và được ban phước dù con người ấy có tự biết hối cải hay không miễn có cha cố chủ trì là được. Điều chủ quan của người Cơ Đốc là cho rằng Kinh Thánh* là chân lý* tuyệt đối và Adam là thủy tổ của loài người dù ở lục địa nào trên mặt đất. Cho nên họ cho rằng nếu không đi đạo (tức là không theo Cơ Đốc giáo) thì ai cũng mắc tội tổ tông cả. Cái chân lý của Kinh Thánh đã bị sai ngoa với sự khám phá của Copernic* và Galiléo* thêm mà phiên tòa do 10 ông Hồng y buộc tội và quản thúc Galiléo năm 1623 đã chưa đủ làm sáng mắt các Giáo hoàng* và cha cố hay sao hay sự chối bỏ tội này của nhóm Pélage* cũng đã bị các cha cố bùng tai nhắm mắt mà chỉ cố bảo thủ cái chân lý chủ quan của người Do Thái với tổ tiên họ - thì sự cứu độ*

Đông Tân

thế gian của toàn khối nhân loại có làm sao thành tựu được. Cho nên, cuộc sống nhân loại ngày nay với tư thế con người làm chủ quả địa cầu* về mọi mặt kinh tế cũng như khoa học* cho thấy các tôn giáo* đang giậm chân tại chỗ với mô hình điển địa phương cục bộ của mình, có làm được gì cho cuộc sống thế nhân chứ đừng nói chuyện cứu thế. Lại nữa nếu thật con người có tội tổ tông và ông Adam là thủy tổ mà họ đã không chịu rửa tội thì làm sao có nền văn minh* tân tiến ngày nay dù chỉ về vật chất thì xin các cha cố xét lại cho chân lý được sáng tỏ trong nhân loại chứ không riêng cho một dân tộc nào dù tự nhận là được chọn như dân Do Thái mà hiện tình đang chỉ vì một Thánh địa* Jérusalem* mà tôi bởi điều đứng đó, thử hỏi sự cứu chuộc của Chúa đã đến đâu khi ngày tận thế* gần kề?!

• **Tôn đặt Tiên (1866 - 1925)**

Sun Yat Sen - Ông còn có tên là Tôn Văn, hiệu là Tôn Trung Sơn là nhà cách mạng dân chủ Trung Hoa. Ông xuất thân từ một gia đình nghèo khổ thuộc huyện Trung Sơn, Quảng Châu. Khi lớn lên ông học tại Honolulu nổi tiếng ưu hạng sau tốt nghiệp y khoa bác sĩ tại Hồng Kông. Ông chán ghét nền cai trị phong kiến thần quyền của Mãn Thanh và kêu gọi một cuộc lật đổ bằng khẩu hiệu: "Thần quyền không thể kéo dài vĩnh viễn" và nêu lên chủ thuyết Tam dân: dân sanh, dân tộc, dân quyền được phổ biến sâu rộng trong và ngoài nước. Ban đầu ông mưu sự khởi nghĩa, nhưng thất bại hai lần đến nỗi phải dẫn thân ra ngoại quốc sang Nhật, sang Mỹ và cả Âu châu. Thời gian này, ông bốn ba phong trần bên cạnh cô thư ký Thu Cận mà sự nhọc nhằn đã khiến cô thốt lên câu cảm khái làm xao xuyến tâm can các nhà cách mạng lưu vong lúc bấy giờ, trong đó cụ Phan Sào Nam còn ghi lại:

*"Tổ Quốc trầm luân, nhân hữu trách,
Thiên nhai phiêu bạt, ngã vô gia!"*

Cụ Sào Nam dịch:

*Nước Tổ bập bênh, người thấy nợ,
Phương trời trôi nổi, thiếp không nhà!*

Đến Nhật Bản, ông gặp Tưởng giới Thạch, hai ông đã khởi cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911 và ông Tôn được trở thành Tổng Thống đầu tiên của Trung quốc. Nhưng sau đó bị Viên thế Khải giở trò nội ứng vừa hiệp vua Thanh vừa chống quân Cách

mạng giành lấy chức Tổng Thống, đến năm 1916 thì chết, nước Trung Hoa thời bấy giờ đã có sự lan tràn của quân cộng sản theo Nga. Thế là Tưởng giới Thạch với lực lượng Quốc Dân Đảng đã có từ Tôn đặt Tiên (vì ông không tin tưởng lý thuyết đấu tranh giai cấp) và quân cộng sản do Mao Trạch Đông theo phe Nga đã đưa nước Trung Hoa vào con biến loạn. Ông có đứng ra thành lập chính phủ Nam Kinh và trong chuyến công du Bắc Kinh năm 1924, ông bị bệnh và mất tại đây hưởng thọ 69 tuổi. Ngôi mộ được dựng tại Nam Kinh năm 1929.

• **tôn giáo**

religion^f - religion^A - 宗教 - Theo tiếng Pháp, religion có gốc La Tinh là religare có nghĩa là nối lại. Người Tây phương định nghĩa tôn giáo là sự thờ phụng* dâng hiến cho Thần linh*. Tôn giáo hàm nghĩa một phần là sự đi tìm chân lý* về nguồn gốc Vũ trụ và cứu cánh của nó, về nguồn gốc của loài người và những liên hệ với Thần linh; phần khác là một tập hợp những tín ngưỡng* một nhu yếu tình thương và xúc cảm, một tỷ lệ điều hòa giữa tiểu Vũ trụ và đại Vũ trụ. Đó là sự biểu diễn của thiêng liêng* và sự tổ chức các lễ chế cá nhân và xã hội. Có một tôn giáo thiên nhiên thường là một lý thuyết tôn giáo mờ ảo dường như mật thiết với trái tim của con người và như thế hàm ý một nền luân lý tự nhiên. Nhưng người ta cũng thường nói đến các tôn giáo đa dạng trong không gian và thời gian như các dân tộc khác nhau. Thông thường, các tôn giáo tự đặt mình trong một bối cảnh xã hội, lịch sử và địa lý, và như thế mang những sắc thái riêng biệt, dù cho các tôn giáo ấy có hướng về một sự thống nhất giáo điều*. Lịch sử các tôn giáo cố gắng khai triển các nguồn gốc của thái độ con người trước khái niệm về thiêng liêng. Về các tôn giáo cổ xưa người ta đã biết gì? Đó là những gì mà người ta suy luận về kiến thức các thần thoại* và về tính chất của các dân tộc nguyên thủy. Tôn giáo nguyên thủy dựa vào tà thuật với các khái niệm mana, tabou, totem (*những thế lực vô hình*) đã cho ra nhiều lý thuyết và giả định. Ngành xã hội học đã cho biết liên hệ của các tôn giáo với các dân tộc khác nhau (*thợ săn, mục đồng, nông dân*), từ đó có sự thờ phụng về sự thịnh vượng, những lễ chế về sự sản bản và sự thờ Thần Mặt Trời*, sự sùng bái động vật... Các thần thoại tạo nên một sự

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

khai triển thông thường về tôn giáo và mang những sắc thái địa phương. Nhiều nhà tổ chức và lý thuyết gia lớn với giáo điều tín ngưỡng đã trở thành các nhà sáng lập các tôn giáo như Zoroastre, Mani, Mahomet*. Các tôn giáo khác là hậu quả của một sự tiến hóa chậm, như Ấn Độ giáo* và Phật giáo Đại Thừa*. Một vị trí riêng biệt được đặt để nơi tôn giáo theo Kinh Thánh* đã có nền tảng là sự khai thị* do chính Đức Chúa Trời. Nền khoa học* tôn giáo phải truy nguyên từ Hérodoté* là một sự nghiên cứu về những thái độ khác nhau của tôn giáo, công trình của những nhà nhân chủng học*, xã hội học*, triết học*, khảo cổ học và thần học*. Nếu có nhiều nhà bác học* xuất phát từ những ý tưởng đã có trước thì có những người khác muốn đóng vai trò khách quan. Các công trình của J. Frazer, của Max Muller, của P. Schmidt, của Durkheim đã có tên tuổi vào thế kỷ XX. Lịch sử của các tôn giáo trở thành một khoa học, và từ đó nó phải chấp nhận các phương pháp của khoa học. Nếu những bài cãi tôn giáo đã làm đổ rất nhiều mực thì các trận chiến tranh tôn giáo cũng đã làm đổ biết bao nhiêu máu. Lịch sử nhân loại đã chứng minh điều đó thì vai trò cứu nhân độ thế của hàng giáo phẩm* luôn luôn lên giọng Thánh Phật ngồi trên đầu cổ thiên hạ sẽ dẫn họ đến đâu nếu chẳng đến ngày tận thế* mà không cựa giáo* nào không báo trước? Thời gian gần đây, dường như chịu ảnh hưởng bởi một niềm ưu tư về hòa bình và thống nhất, cho nên người ta nhận thấy có các khuynh hướng về cộng đồng quốc tế nơi người Cơ Đốc tìm tòi sự tổng hợp hay tôn giáo đại đồng* ở nhiều triết gia* và sử gia. Về phương diện triết học, các triết gia định nghĩa tôn giáo theo nguồn gốc của nó là sợi dây nối liền giữa loài người, một hệ thống tín ngưỡng (giáo điều) và thực hành (lễ chế) liên quan đến cảm tính về tính thần linh và liên kết thành một tín ngưỡng chung thành một tập thể luân lý dành cho tất cả những người cùng tin theo đó. Bất cứ tôn giáo nào cũng được xây dựng trên một sự khai thị mà điều kiện lịch sử có thể là lịch sử gương mẫu của một dân tộc (Do Thái giáo*) hay của một nhà tiên tri mà nền giáo huấn và mẫu mực lý tưởng về cuộc sống đã được gìn giữ lại bởi một truyền thống ban đầu bằng khẩu truyền (Cơ Đốc giáo*, Phật giáo*). Những tôn giáo thường được cho là khác biệt nhau chỉ do những phương tiện mà họ quan niệm cho sự

cứu rỗi, ví dụ như Phật giáo thuyết giảng một loại khổ hạnh chủ đích là sự trừ diệt mọi dục vọng cá nhân, đoạn lìa với thế giới vô thường*, và đến mức của những thực hành (trong đó có pháp yoga*) để đưa người vào cõi Niết bàn*; hay như Cơ Đốc giáo thì trong nhiều khía cạnh là một tôn giáo có nhiều xu hướng về cuộc sống và thế giới cũng rao giảng một phương pháp khổ hạnh nào đó (mà các tu viện* và giáo đường là điển hình nhất) nhằm vào điều làm cho chúng ta đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài để thực thi, trong nhiệt thành của cảm tính, sự hiện diện của Chúa nơi chúng ta; riêng Do Thái giáo đồng hóa luân lý với một tập hợp các bốn phần* có liên quan với người khác, thật ra nó thể hiện một tôn giáo duy nhất không đòi hỏi con người phải tin mà phải làm, và những điều răn không phải là việc của đức tin* mà là những nguyên lý của hành động. Trong thực tế, một tôn giáo có chủ đề, nếu không muốn tự diệt phải có một nội dung đặc biệt có tính tôn giáo mà căn bản là một cảm tính bất diệt của luân lý và về lối đối xử của con người đối với tha nhân: đó là cảm tính của sự hiện diện Thượng Đế* hay cảm tính thiêng liêng. Dù tôn giáo nào cũng vậy, cảm tính thiêng liêng thể hiện một tính bất di dịch gồm ba đặc điểm như sau: sự sợ hãi trước sức mạnh vô song của Thượng Đế, Chúa Tể của sự sống và sự chết*, sự bí nhiệm của tính bất khả tri của họ và cuối cùng là khả năng quyến rũ dành cho mọi vật hay biểu tượng tôn giáo. Cảm tính thiêng liêng là trái tim của mỗi tôn giáo. Đó là khởi điểm của nền triết học tôn giáo: kinh nghiệm tôn giáo là một thực thể chung cho phép chúng ta biết được một cách tổng quát những chiều sâu của trái tim con người. Cassirer (trong *Essay on Man*) "chỉ định ngành triết học cái nhiệm vụ khai thị sự thống nhất của mọi phần hành tổng quát thống thuộc tất cả những sáng tạo con người và biểu thị các thần thoại, tôn giáo, nghệ thuật... như là những chuyển biến trên cùng một đề tài". Nói vắn tắt, phía sau tính đa dạng của tôn giáo, người ta lại tìm thấy tính thống nhất của bản linh con người. Tính chất của tôn giáo đâu đâu cũng chỉ xuyên qua sự đa dạng của các lễ chế. Các triết gia Tây phương đang cố thống nhất các tôn giáo bằng con đường khoa học và triết học. Họ bảo thật sự trước tiên phải phân biệt một lý thuyết của những cử chỉ của con người (lễ chế, tu tập

Đông Tân

cùng cảm tính) và một lý thuyết của nội tại* đức tin*. Một tư duy về những thể hiện nơi con người về tôn giáo nói đúng ra không tạo ra nền triết học tôn giáo. Tóm lại, không phải những lễ chế, những thực hành và những thí nghiệm thần bí* khiến chúng ta phải chiêm nghiệm bởi một tư duy như thế bao giờ cũng chỉ là một tư duy về con người: một tâm lý học, một xã hội học, kể cả một chương của nhân chủng học* - đó là những bài bản và nội dung của sự khảo thị. Phát xuất từ quan điểm này, chủ nghĩa của sự thống nhất các tôn giáo chỉ có thể minh chứng khi mà nội dung của các khảo thị cho thấy có thể du nhập vào lĩnh vực của lý trí như Malebranche* đã nói về Cơ Đốc giáo: sự tín ngưỡng tự nó là nguồn ánh sáng, đối tượng phong phú của tư duy triết học. Châm ngôn của Malebranche là "tin để hiểu" (*credo ut intelligas*) và ông nghĩ rằng sẽ đến một lúc mà trí óc con người có thể đồng hóa sâu xa vào nội dung của đức tin và lúc mà trí thông minh sống dậy và thay thế cho đức tin. Theo lý thuyết này, tất cả những dữ kiện của các tôn giáo có nghĩa thật hợp lý đều có thể gắn liền với một kiến thức và không có gì tổng thể bằng kiến thức. Nói vắn tắt, sự hiểu biết triết học trong hình thức sáng sủa của nó khai triển một ngôn từ duy nhất và chung cho tất cả các tôn giáo. Chủ nghĩa này của Malebranche phát biểu cũng là của Hegel*. Thật ra, nội dung của đức tin thì liên kết chặt chẽ với thái độ tôn giáo và thái độ này là thái độ của một liên hệ sống động với Thượng Đế (bởi trung gian của cảm tính thiêng liêng, nơi mà Thượng Đế là Thể* hiện đang nhìn thấy chúng ta và biết hết về ta, hay, chính xác hơn, bằng trung gian của sự khảo thị mà Thượng Đế đã nói với chúng ta và nói trực tiếp) và sự liên hệ này của một người đến người khác bằng ngôn từ khảo thị thì khó thể giảm bớt theo thái độ của hiểu biết khách quan. Tôn giáo là một hình thức của cuộc sống trong khi triết học là một cách thức để hiểu biết. Nói cách khác, nền triết học tôn giáo không chỉ khai triển một chủ nghĩa duy lý duy nhất xuất phát từ nội dung của đức tin (chẳng khác gì tôn giáo có thể đi đến một chủ nghĩa tự trị, khai diễn từ hạ tầng sống động và từ thái độ đặc biệt tôn giáo; nó chỉ có thể soi sáng thái độ tôn giáo với tự nó, nhưng không bao giờ tiết giảm nó như một thái độ riêng biệt và như một hình thức của cuộc sống). Tóm lại, triết học tôn

giáo là một tư duy xuất phát từ thái độ tôn giáo, sự tư duy về sự khảo thị, nhưng nó cũng không cho ta thoát khỏi sự khảo thị hay sự thí nghiệm thiêng liêng để tạo nên sự hiểu biết tự lập, trái lại nó làm cho chúng trở nên sâu xa và sự sâu xa đó có tính vô hạn. Do đó, triết học tôn giáo là một sắc thái của tôn giáo, nó có tác dụng làm linh động tinh thần triết học, nhưng nó lại không như một triết học đơn thuần (mà mục đích là tạo nên một chủ nghĩa duy lý độc lập). Cụ thể thì nó thu gọn trong một tư duy về kinh điển mà sự tư duy ấy không hề có một nghĩa tôn giáo (và không chỉ về lý thuyết) rằng nếu nó được xây dựng trên sự thực hành thiết thực của các lễ chế và các điều răn tôn giáo... Nói chung người ta phân biệt tinh thần tôn giáo vốn là sự kiện nội tại về cá nhân với tinh thần giáo hội hay sự tôn kính các đại diện tôn thờ thường đặt ra một vấn đề xã hội và lịch sử, thường thì có tính cách thế gian và không chỉ tính tôn giáo. Một tín ngưỡng tôn giáo không bao giờ phủ kín được sự không độ lượng trên bình diện xã hội loài người. Trên đây là những quan điểm của các học giả Tây phương về đề tài tôn giáo và triết học tôn giáo, qua đó ta thấy rõ thái độ của họ xem tôn giáo như một hiện tượng hoàn toàn không hội nhập với cuộc sống tư duy của xã hội loài người bởi cảm tính thiêng liêng và đức tin duy nhất không khứng nạp với chủ nghĩa duy lý* đang thích dụng cho các xã hội Tây phương. Sự kiện này đã không thể hội nhập trong xã hội Đông phương* khi mà nghĩa chữ tôn giáo hoàn toàn khác hẳn, bởi theo tinh thần Đạo học* Đông phương mà người Á Đông mặc nhiên thừa nhận thì tôn giáo là phần tu học của cái đạo (tu đạo chi vị giáo - Trung Dung*), vốn là hình thức biểu diễn cái Đạo là khuôn mẫu tạo nên cuộc sống chung của Vũ trụ trong đó có loài người. Bởi thế, theo chỗ tìm hiểu của Đông Tân thì Đạo là chiều sâu của Vũ trụ vốn tiềm ẩn những năng động sáng tạo cuộc sống Vũ trụ trong khi đó thì tôn giáo là cái thước đo chiều sâu ấy. Bởi thế mỗi tôn giáo tùy theo mức khảo thị của mình để lãnh hội chứ không thể thấu triệt toàn bộ cái Đạo được nên mới có những mâu thuẫn đã có chứ nếu đạt được cái Đạo thì chỉ là một thôi. Cũng trên quan điểm của người Tây phương về tôn giáo đối lập với triết học, giáo sư Jeremy Davidson nhân chuyến du khảo về Cao Đài giáo* gặp tác giả và được nghe trình bày nội

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

dung tác phẩm triết học Bản Thể Luận*, ông đã hỏi một câu mà đến khi Đồng Tân trả lời lần thứ ba, ông mới ghi nhận. Câu hỏi là: *"Tôi không hiểu một người có trình độ tư duy triết học như ông trong tác phẩm Bản Thể Luận mà lại cứ theo tôn giáo hoài?"* Câu giải đáp: *"Cho dù sự hiểu biết của tôi tới đâu đi nữa thì Vũ trụ đối với tôi vẫn có một chiều sâu không bao giờ với tới được. Và tôi đi trên con đường tôn giáo cũng có nghĩa là tôi đi vào chiều sâu của Vũ trụ vậy"*. Từ đó có lời giải nghĩa danh từ tôn giáo như trên. Còn sự thống nhất các tôn giáo chỉ có được khi mọi tôn giáo có người đạt được mức độ tâm linh cao trội để xuyên qua những chướng ngại vật chất nhứt thời của đạo phược và của những thành kiến huyền thoại rườm rà từ kinh điển do phàm tâm tạo ra mà đi vào khối Tâm linh sáng tạo vô tư thuần khiết thì mới đến chỗ cảm thông nhau trong sứ mạng* cứu thế của tôn giáo được. Tác giả tin rằng ngày ấy sẽ đến không xa bởi Thượng Đế, Đấng Tạo Hóa toàn tri toàn năng đang tự giáng phàm để cảnh tỉnh loài người về những sai lầm do phàm tâm từ xưa nay để họ giác ngộ* được nguồn Tâm linh sáng tạo vốn là Động lực* kiến tạo thời sơ khai của các cơ màu cứu thế đã không sai thù mà đồng nhất tính. Chính vì mục đích hình thành sự thống nhất theo tinh thần Đại đồng vô biệt* của Vũ trụ đó mà Đức Thượng Đế tá danh* Cao Đài* mới không nỡ bỏ nhân loại trong cảnh lầm than do tự mình gây nên, mà lập nên thời kỳ ân xá lần thứ ba Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* với tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên*, Ngũ Chi Phục Nhứt* làm nền tảng Vạn Giáo Nhất Lý* tại mảnh đất nhỏ bé Việt Nam với truyền thống Tam Giáo Đồng Nguyên đã có trong lịch sử dân tộc từ nghìn xưa mà khơi nguồn cơ cứu độ* khắp cõi dinh hoàn buổi Hạ nguơn* mặt pháp này.

• tôn giáo học

étude des religions^F - *study of religions*^A - Theo lịch trình tấn hóa của nhân loại từ nghìn xưa đến nay, con người đã bước những bước khá dài trong tinh thần tự lập làm chủ quả địa cầu*, dù chỉ trên phương diện vật chất, để tạo ra cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà vào cuối thiên niên kỷ II này nhờ vào hiệu năng hữu hình do Thiên phú nơi các phương tiện dù hữu hình tất hữu hoại của nền văn minh* hiện nay, trong khi các tôn giáo*

theo dòng lịch sử đã do phạm ý của môn đồ sau các giáo chủ* mà biến quả địa cầu này thành nơi cạnh tranh từ phạm vi nhỏ đến phạm vi lớn trong xã hội loài người để đem lại những trận chiến làm máu chảy thịt rơi tang thương đầy đó - ngoài đức háo sanh của Thượng Đế Hóa Công - cũng do nạn cực đoan cuồng tín* đã nảy sinh từ các lãnh đạo tôn giáo mà ra với tính chủ quan kỳ thị mà kinh điển giáo thuyết cũng do phạm ý tạo nên những huyền thoại chủ quan của tôn giáo mình mà không biết gì đến các tôn giáo khác, lại tranh chấp địa vị cao thấp lớn nhỏ cho giáo chủ mình trong khi nơi cõi Vô hình chỉ là những lần diễn quang đại đồng vô biệt* mà hàng giáo phẩm* nào cũng tự khoác lên bộ đạo phục màu mè để tự cho mình là siêu đẳng hầu cố giành số đông cuồng si nghe theo mà thôi. Bởi những lẽ đó, cần có một khoa tôn giáo học vào thiên niên kỷ III bằng những thái độ vô tư thông đạt lẽ màu nhiệm* của Tạo Hóa để đem lại sự quân bình thế đứng cứu độ* của các tôn giáo xưa. Nhưng tôn giáo này nếu muốn tiếp tục công trình của mình thì phải tự giác* để kiểm điểm lại thành quả của mình từ xưa nay đã như thế nào và nhân loại có còn nghe theo mình nữa không, chớ đừng chủ quan mà phải nghiêng đổ. Lẽ cố nhiên, nền văn minh vật chất ngày nay đã thiếu đi sự xây dựng tinh thần tâm linh mà sứ mạng* này chỉ do tôn giáo mới có. Cái cảnh đại đồng* nhân loại chỉ đến khi toàn thể các tôn giáo phải ý thức* sự cứu đời là mục đích chung mà tôn giáo nào cũng không ra ngoài cái chân lý* đó. Mặc dù tôn chỉ có khác vì mỗi tôn giáo này sinh vào một hoàn cảnh khác nhau cần cho sự cứu độ thích nghi tại mỗi tư phương, nhưng nay nhân loại đã hiệp đồng, Cần Khôn dĩ tận thức thì lẽ dĩ nhiên con người phải được tấn hóa theo để bắt kịp nhu cầu cứu độ cho thích nghi thể theo lời chỉ dạy của Đấng Hóa Công thì mới phải, còn mãi khư khư theo giáo điều* cũ kỹ thì chỉ là những tẻ đoan còn sót lại mà thôi. Còn nếu có đưa ra lời có tính cải hối như Giáo hoàng John Paul II hiện nay thì cũng chỉ là những tiếng kêu ngoài sa mạc nếu không muốn bị xem như là một thái độ tự bào chữa những sai trái của mình trong tuyệt vọng mà thôi. Lại nữa, Đạo lý là lẽ sống trường tồn, là mạch sống vô biệt, duy chỉ có kinh điển do phàm tâm con người chủ quan tạo ra để trở thành những thành kiến lập dị của địa

Đông Tân

phương, để rồi cứ tự cho tôn giáo mình là chánh đạo* để miệt thị các tôn giáo khác mà không biết rằng mình là ai, thì dần kẻ khác đi theo cũng chỉ như người mù đi đêm mà cảnh Thiên đàng hay Niết bàn* kia chỉ là những ảo ảnh vô vọng. Thế nên, một nền tôn giáo học phải được thành hình bằng những phương lược thông đạt với thế giới Vô hình để biết rõ sự hiện hữu của thế giới này có không thì mới xác định được Thiên đàng hay Niết bàn ra làm sao, cũng từ ngả này mới xác định được người chết rồi, linh hồn* có hay không và sẽ đi đâu, chứ bày ra những phép lạ thì chỉ là một lối trò ma mị mang kịch tính ảo thuật chỉ có hại cho tôn giáo mình mà thôi. Theo Cao Đài giáo*, phép lạ* hay những huyền diệu* chỉ cảnh giác những đối tượng có cảm mới có ứng, và một khi một phép lạ hiện ra mà ai ai cũng thấy cũng biết trực tiếp được thì cần phải đề cao cảnh giác mức độ hiện thực của nó. Nói cách khác, nếu nhân loại không ý thức được tinh thần *Vạn Giáo Nhất Lý** và nguyên lý *đồng qui nhi thù đồ của Đạo học** *Đông phương** thì không bao giờ đi đến cảnh đại đồng nhân loại, dù cảnh thuận lợi của nền văn minh vật chất ngày nay có dẫn dắt loài người đến đâu thì cũng không ra khỏi luật tự nhiên của vật chất nhứt thời nếu nhân loại không kịp tự giác để tự cứu lấy mình vậy. Với tư cách một đồng tử* phò loan* cho Hội Thánh Cao Đài miền Trung những năm 1947-1948 tại Thánh Thất Trung An - Quảng Nam, tác giả đã hân hạnh được trực diện với Đức Thượng Đế* tá danh* Cao Đài* qua ba lần phò cơ* thấy Thiên Nhân* đầy hào quang sáng chói vào giờ Tý (*đêm khuya*) khi bài cơ* nội vụ với điển linh ban hành nghiêm mật đối phó với âm mưu tiêu diệt nền Đạo miền Trung sau vụ *thảm sát** chư Thánh tử đạo theo trò cách mạng bolchevik tháng 8-1945 tại Việt Nam, nhất là tại Quảng Ngãi. Cho nên, với định nghĩa con người là động vật duy nhất có tín ngưỡng thì họ phải là người tôn giáo để có khả năng tôn thờ Đấng Hóa Công, nếu họ không đạt được tư duy ấy thì chỉ là người chính trị với ý tưởng phạm tục mà thôi. Tôn giáo học chính là đề tài luận cứ này. Và phải chăng các cựu giáo* đã tạo nên những huyền thoại phần lớn cũng chỉ vì các hàng giáo phẩm đã không có đủ tần số hội nhập với Tiềm Lực Thiên Nhiên* khi họ không có sự cảm thông về sứ mạng* của họ?!

• Tôn Giáo Xã Hội

Revue périodique Tôn Giáo Xã Hội^F - Periodic review Tôn Giáo Xã Hội^A - Nguyệt san rồi bán nguyệt san, cơ quan đạo đức*, văn hóa xã hội Sài Gòn. Giám đốc kiêm chủ bút Trương kế An, Chủ nhiệm Phạm thành Mai Quản lý Trương nhứt Tân, Tòa soạn 353 Bis Frère Louis Sài Gòn. Số 1 xuân Giáp Ngọ 1954, đình bản số 11 ngày 1-5-1955.

• tòn tâm dưỡng tánh

régénération simultanée de l'âme et du corps^F - simultaneous regeneration of both soul and body^A - 存心養性 - Sự tu học làm cho cùng một lúc cái tâm được sáng suốt và cái tánh* cho thuần lương. Ý chỉ sự *đôi luyện tâm tánh*, hai phương diện cần cho sự tấn hóa của linh hồn* phải được thực thi cùng một lúc. Đây là khái niệm của Nho giáo*, còn với Tiên giáo thì tu tâm dưỡng tánh có nghĩa là sửa cái tâm để nuôi cái tánh, còn Phật giáo* thì mình tâm kiến tánh là làm cho sáng cái tâm thì sẽ thấy cái tánh cũng chỉ một thực chất cần cho sự tu học mà trong Tam giáo* đều chủ trì cùng một thể như nhau.

• Tông chỉ Cao Đài giáo

Doctrine caodaique^F - Caodaist doctrine^A - Nói về Tông chỉ của Cao Đài giáo* thì đầu tiên phải đề cập đến cái nguyên lý đạo học* đã có từ khai thiên lập địa thể hiện nơi con người là Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể mà thời Hạ nguơn* mặt pháp này Thánh ngôn* Cao Đài* có dạy Tâm linh Con người* là một Tiểu Linh Quang* phát xuất từ khối Đại Linh Quang* vốn là Tâm Linh Vũ Trụ* nên Con người còn gọi là Nhân Thân Tiểu Thiên Địa*. Không như các cựu giáo* cho con người có tội tổ tông* hay còn tệ hại hơn là cái xú bì nang* vô lối kia, con người còn giữ được nguyên căn* của mình từ nguyên thủy thì vẫn còn giữ được nhân tính nhưng vì đã trải qua nhiều kiếp* nên phải mắc nợ thế gian mà phải chịu trả quả* theo luật nhân quả* mà thôi. Do đó, Thánh ngôn Cao Đài cho biết thế gian là trường khảo duyệt* mà vạn loại là những thí sinh sẽ tiến hóa từ thảo mộc lên cầm thú rồi đến con người gọi là hóa nhân*, trong khi con người chuyển hóa* từ Thần Thánh là những nguyên nhân*. Bởi thế khi đề cập đến Tông chỉ Cao Đài giáo như: Tam Giáo Qui Nguyên* Ngũ Chi Phục

Nhứt* hay Thuần Chơn Vô Ngã*, Tâm Vật Bình Hành, Trung Dung Quán Nhứt*, Thiên Nhân Hiệp Nhứt* thì cũng chỉ đề cập đến sự phục hồi một nền Chánh đạo* đã sẵn có từ Tiềm Lực Thiên Nhiên* mà chỉ khi nào Con người biết được mình có một Sứ mạng* là Cảm thông trong đó để thấu rõ cuộc sống bất diệt của Vũ trụ mới được.

• Tổng Lý

Administrateur Général^F - General Adminis-trator^A
 - 總理 - Chức phẩm dành cho vị cầm đầu nền hành chánh Cửu Viện* trong cơ quan Cửu Trùng Đài* đã có tại Hội Thánh Tây Ninh từ 1930 và Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt từ 1937 đến 1955. Chức vị này có phụ tá là vị Hiệp Lý*. Phần Tổng Lý thì có đức Quan Thánh Đế Quân* và Hiệp Lý là cụ Lê trí Hiến* (1937-1939), sau đó Tổng Lý đức Trần Hưng Đạo* và Hiệp Lý các cụ Trần nguyên Chất* (1939-1950) và cụ Phan thiện Trì* (1951-1955). Sau 1956, Cơ quan Truyền giáo Trung Việt đổi thành Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài* thì bị nội khảo theo Tây Ninh với 3 phái 4 cơ quan của ông Phạm công Tắc* nên không có các chức vị này nữa.

• Tổng Quan Cao Đài giáo

Apercu général sur le Caodaisme^F - Overview of Caodaism^A - Tác phẩm của Đồng Tân ấn bản phát hành nội bộ năm 1980 (dưới chế độ cộng sản không cho phép xuất bản sách tôn giáo). Nội dung gồm 24 bài:

I- Phần dẫn nhập: Bài 1: Tôn giáo là gì. Bài 2: Cao Đài giáo có phải là một tôn giáo* mới?

II- Phần chính đề: **A- Nguyên lai:** Bài 3: Danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Bài 4: Nguyên nhân xuất hiện. Bài 5: Sử lược. **B- Nền tảng giáo pháp:** Bài 6: Nền tảng giáo pháp: Vô Vi và Phổ Độ. **C- Yếu lý xây dựng:** Bài 7: Yếu lý cơ bút và Thánh ngôn. **D- Yếu lý thờ phụng:** Bài 8: Thiên Nhân. Bài 9: Kinh điển: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Đại Thừa Chơn Giáo. Bài 10: Ngôi Thánh đường. **E- Yếu lý tổ chức:** Bài 11: Hàng giáo phẩm. Bài 12: Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, Tân Luật, **G- Căn bản giáo lý:** Bài 13: Vũ trụ quan. Bài 14: Nhân Sinh quan. Bài 15: Mục đích: Dung hợp Tâm linh Con người với Tâm Linh Vũ Trụ. Tổng chỉ: Bài 16: Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Nhứt. Bài 17: Tâm Vật Bình Hành. Bài 18: Thuần Chơn Vô Ngã. Bài 19: Thiên Nhân Hiệp Nhứt.

H- Phương châm tu học: Bài 20: Nguyên lý Tam Nhân: Nhân sanh, Nhân trí, Nhân đức. Bài 21: Người tín đồ Cao Đài với bản thân. Bài 22: Người tín đồ Cao Đài với gia đình. Bài 23: Người tín đồ Cao Đài với xã hội thế nhân.

III- Kết đề: Bài 24: Cao Đài giáo trong tương lai nhân loại.

Nói chung, tác giả đã nhờ sự khải ngộ mà viết tác phẩm này ra trong một hoàn cảnh bị cộng sản đô hộ đất nước mà mọi tư tưởng không theo Marx* Lénin đều bị ngăn cấm, nhưng tác giả vẫn luôn mạnh dạn dả kích thuyết duy vật Tây phương và duy trì tinh thần văn hóa Đông phương* với nền đạo học* truyền thống Á Đông chủ trương trên lập trường Thuần Chơn Vô Ngã* - Vạn Giáo Nhất Lý* với quan niệm Con người là Nhân Thân Tiểu Thiên Địa*.

